

## GIẢI CHI TIẾT ĐỀ SỐ 26

### ĐỀ PHÁT TRIỂN THEO FORM MINH HỌA (Thời gian làm bài: 50 phút, không tính thời gian giao đề)

*Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.*

**Giải thích đáp án:**

#### Question 1:

**Đáp án: A. long plane flight**

**Giải thích:** "Long plane flight" đúng trật tự từ chỉ một chuyến bay dài.

#### Question 2:

**Đáp án: A. bored**

**Giải thích:** "Feeling bored" là cách diễn đạt đúng để miêu tả cảm giác nhàm chán của người kể khi ngồi trên chuyến bay dài. Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **B (boring):** Là tính từ miêu tả tính chất gây nhàm chán, không phù hợp với cảm xúc của người kể.
- **C (bore):** Là động từ, không phù hợp với ngữ cảnh.
- **D (boredom):** Là danh từ, không phù hợp vì cần một tính từ để mô tả cảm xúc của người kể.

#### Question 3:

**Đáp án: C. to read**

**Giải thích:** "Decided to read" là cách diễn đạt đúng vì động từ "decide" đi kèm với to-infinitive.

- **A (to reading), B (read), D (reading):** Các dạng động từ này không phù hợp với cấu trúc sau "decided."

#### Question 4:

**Đáp án: D. delayed**

**Giải thích:** "The flight, delayed by two hours, V(main)" là cấu trúc đúng để mô tả chuyến bay bị hoãn lại hai tiếng.

#### Question 5:

**Đáp án: B. of**

**Giải thích:** "Inform sb of sth: thông báo cho ai về cái gì". Trong câu này, là cấu trúc đúng để chỉ thông báo cho chúng tôi về thời gian dự kiến đến nơi.

- **A (to), C (with), D (in):** Các giới từ này không phù hợp với động từ "inform" trong ngữ cảnh này.

#### Question 6:

**Đáp án: D. made**

**Giải thích:** "Made it difficult" là cấu trúc đúng để diễn đạt việc khiến mọi người khó nghe được lời thông báo.

*Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.*

**Giải thích đáp án:**

**Question 7: Đáp án: A. number**

**Giải thích:** "Many people" (nhiều người) phù hợp với ngữ cảnh khi nói về những người đang cân nhắc việc mua và sử dụng xe.

- "People" là danh từ đếm được số nhiều, nên "number" mới phù hợp.
- "Amount" không phù hợp vì thường dùng với danh từ không đếm được.
- Các lựa chọn khác như **capacity** và **proportion** không phù hợp với ngữ cảnh nói về số lượng người tham gia một sự kiện.

**Question 8: Đáp án: D. stand out**

**Giải thích:** "Stand out" để chỉ việc nổi bật giữa những cá nhân tài năng khác.

Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **A (catch on):** Có nghĩa là hiểu hoặc trở nên phổ biến, không phù hợp với ngữ cảnh.
- **B (look up):** Thường mang nghĩa tìm kiếm hoặc kính trọng, không liên quan đến việc nổi bật.
- **C (put aside):** Nghĩa là để sang một bên, không phù hợp với ý nghĩa của câu.

**Question 9: Đáp án: C. In light of**

**Giải thích:** "In light of" có nghĩa là xét đến hoặc do, phù hợp để diễn tả sự thay đổi trong bối cảnh những thách thức gần đây.

- **A (Apart from):** Nghĩa là ngoài ra, không phù hợp với ý nghĩa của câu.
- **B (In spite of):** Nghĩa là mặc dù, không phù hợp với bối cảnh.
- **D (Rather than):** Nghĩa là thay vì, không hợp lý trong ngữ cảnh này.

**Question 10: Đáp án C. eliminated**

**Giải thích:** "Eliminated" là từ đúng để chỉ việc loại trừ một số người chơi trước khi họ đến vòng cuối cùng.

Các lựa chọn khác không phù hợp:

- "Deleted" có nghĩa là "xóa bỏ" hoặc "xóa đi," thường được dùng trong ngữ cảnh dữ liệu số hoặc văn bản, ví dụ: "deleted a file" (xóa một tập tin).
- "Abolished" có nghĩa là "bãi bỏ" hoặc "hủy bỏ," thường sử dụng cho luật lệ, hệ thống, hoặc một chính sách nào đó, ví dụ: "The law was abolished" (luật này đã bị bãi bỏ).

- **"Eradicated"** có nghĩa là "xóa sổ" hoặc "diệt trừ hoàn toàn," thường được dùng cho những thứ như bệnh tật, vấn đề xã hội, hoặc các yếu tố tiêu cực (e.g., "The disease was eradicated").

**Question 11: Đáp án: B. Other**

**Giải thích:** "Other + N(số nhiều)" là cụm từ tự nhiên và chính xác để chỉ những thách thức khác nhau trong cuộc thi.

Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **"Every"** chỉ đi với danh từ số ít, ví dụ: *"every challenge," "every person."*
- **"Much"** dùng để chỉ số lượng lớn cho danh từ không đếm được, ví dụ: *"much information," "much water."*
- **"Another"** thường đi với danh từ số ít đếm được, ví dụ: *"another challenge," "another person."*

**Question 12: Đáp án: D. Competitors**

**Giải thích:** "Competitors" là từ đúng để chỉ những người tham gia thi đấu hoặc cạnh tranh trong cuộc thi.

Các lựa chọn khác không chính xác:

- **A (Rivals):** Cũng có thể mang nghĩa đối thủ, nhưng "competitors" phù hợp hơn trong ngữ cảnh cuộc thi.
- **B (Enemies):** Không phù hợp vì mang nghĩa kẻ thù.
- **C (Counterparts):** Mang nghĩa đối tác hoặc người đồng cấp, không phù hợp với ngữ cảnh.

*Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentence to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.*

**Giải thích đáp án:**

**Question 13:**

**Đáp án: B. c - a - b**

**Giải thích:** Trình tự hội thoại hợp lý là:

1. **c** - Jenna thông báo rằng cô được chọn cho vai chính trong vở kịch của trường và rất phấn khởi.
2. **a** - Brian chúc mừng Jenna vì thành quả của cô, công nhận nỗ lực của Jenna.
3. **b** - Jenna cảm ơn Brian và bày tỏ mong muốn bắt đầu buổi tập.

Các lựa chọn khác không đúng vì chúng không theo trình tự tự nhiên của hội thoại, làm giảm tính logic trong diễn đạt.

**Question 14:**

**Đáp án: C. e - b - a - d - c**

**Giải thích:** Trình tự hội thoại hợp lý là:

1. **e** - Tuan thông báo vừa hoàn thành cuộc chạy 5K nhằm nâng cao nhận thức về COVID-19.
2. **b** - Hoa chúc mừng Tuan và hỏi về trải nghiệm của anh.

3. **a** - Tuan chia sẻ rằng cuộc chạy là một trải nghiệm đầy thử thách nhưng bổ ích.
4. **d** - Hoa bày tỏ mong muốn được tham gia cùng.
5. **c** - Tuan đề nghị cùng luyện tập lần tới để Hoa có thể tham gia.

Các lựa chọn khác không giữ đúng trình tự tự nhiên của cuộc trò chuyện.

**Question 15:**

**Đáp án: B. a - b - e - d - c**

**Giải thích:** Trình tự hợp lý cho lá thư là:

1. **a** - Long nhắc đến việc đạo diễn Lý Hải đang tổ chức thử vai cho Lật Mặt 8 và nghĩ đến tài năng của Thoại.
2. **b** - Long khẳng định Thoại có những tố chất cần thiết để tỏa sáng trong vai diễn.
3. **e** - Long hỏi Thoại đã cân nhắc thử vai và thể hiện tài năng của mình trên TikTok chưa.
4. **d** - Long muốn hỗ trợ Thoại lên ý tưởng hoặc giúp đỡ trong quá trình thử vai.
5. **c** - Long khuyến khích Thoại chia sẻ nếu muốn thảo luận thêm, vì Long tin rằng Thoại sẽ làm tốt.

Các lựa chọn khác không giữ đúng trình tự hợp lý của nội dung thư.

**Question 16:**

**Đáp án: D. a - d - c - b - e**

**Giải thích:** Trình tự hợp lý của đoạn văn là:

1. **a** - Khởi đầu bằng việc nói rằng việc bán hàng trực tuyến có thể gây ra nhiều rủi ro và thách thức.
2. **d** - Đề cập đến nguy cơ bị lừa đảo, khi có thể bị những người không trung thực lợi dụng.
3. **c** - Nhắc nhở người bán cần cẩn trọng với việc chia sẻ thông tin cá nhân để tránh vi phạm quyền riêng tư và bị đánh cắp danh tính.
4. **b** - Bàn về việc thiếu tương tác trực tiếp trong các giao dịch trực tuyến có thể gây ra hiểu lầm về chất lượng sản phẩm.
5. **e** - Kết luận bằng lời khuyên về việc cẩn cảnh giác và áp dụng biện pháp phòng ngừa.

Các lựa chọn khác không sắp xếp theo trình tự hợp lý của nội dung đoạn văn.

**Question 17:**

**Đáp án: D. b - c - e - a - d**

**Giải thích:** Trình tự hợp lý của đoạn văn là:

1. **b** - Nêu lên vấn đề giá nhà ở Việt Nam tăng nhanh trong thời gian gần đây.
2. **c** - Giải thích nguyên nhân của việc tăng giá nhà, gồm nguồn cung hạn chế, nhu cầu cao, và chi phí xây dựng tăng.
3. **e** - Đề cập rằng nhiều gia đình đang gặp khó khăn trong việc mua hoặc thuê nhà ở các khu đô thị.

4. **a** - Đưa ra giải pháp, đề xuất các nhà phát triển và chính phủ cần hợp tác để tạo ra nhiều lựa chọn nhà ở giá cả hợp lý hơn.
5. **d** - Kết luận rằng việc giải quyết vấn đề giá nhà tăng cao là cần thiết để đảm bảo mọi người dân đều có thể tiếp cận nơi ở an toàn và giá hợp lý.

Các lựa chọn khác không theo trình tự hợp lý của nội dung đoạn văn.

*Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.*

**Giải thích đáp án:**

**Question 18: Đáp án: C. have been encouraged to use public transport, such as buses and trains**

**Giải thích:** C là chính xác vì cấu trúc bị động “have been encouraged” thể hiện hành động đang diễn ra trong quá khứ và tiếp diễn đến hiện tại, phù hợp với bối cảnh của đoạn văn mô tả việc người dân được khuyến khích sử dụng phương tiện công cộng để giảm thiểu khí thải carbon. Các lựa chọn khác sai ngữ pháp.

**Question 19: Đáp án: A. As a result, more citizens are taking part in activities that protect the environment**

**Giải thích:** A là chính xác vì câu này thể hiện rõ ràng kết quả của việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Nó giúp liên kết chặt chẽ với ý trước, mô tả việc người dân tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **B** không đúng vì trái ngược với ngữ cảnh của đoạn văn, khi nhiều người đang ý thức hơn về vấn đề bảo vệ môi trường.
- **C** không phù hợp vì không mô tả được kết quả tích cực mà chỉ nêu lên các vấn đề môi trường.
- **D** không hợp lý vì không phù hợp với ý nghĩa tích cực của đoạn văn.

**Question 20: Đáp án: C. Community groups are also working to educate residents about the importance of preserving nature**

**Giải thích:** C là chính xác vì câu này tiếp nối ý nghĩa của câu trước, mô tả vai trò của các nhóm cộng đồng trong việc giáo dục người dân về tầm quan trọng của bảo vệ thiên nhiên. Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **A** trái ngược với ngữ cảnh của đoạn văn, khi nói về sự gia tăng ô nhiễm, không phù hợp với mạch văn tích cực.
- **B** không chính xác vì nó nêu rằng mọi người đang tránh xa các hoạt động thân thiện với môi trường, không phù hợp với ý đoạn văn.
- **D** không đúng vì nó mô tả một cách cường điệu về sự cần thiết của bảo vệ môi trường.

**Question 21: Đáp án: B. whose innovative ideas and enthusiasm inspire others**

**Giải thích:** B là chính xác vì “whose” liên kết ý nghĩa và chỉ ra rằng chính ý tưởng sáng tạo và nhiệt huyết của giới trẻ đang truyền cảm hứng cho những người khác.

**Question 22: Đáp án: B. many individuals are making positive changes and contributing to a greener future**

**Giải thích:** B là chính xác vì câu này diễn tả rõ ràng rằng nhiều người đang thực hiện các thay đổi tích cực để đóng góp cho một tương lai xanh hơn. Cấu trúc rõ ràng và phù hợp với ngữ cảnh của đoạn văn. Các lựa chọn khác không phù hợp:

- A không phù hợp vì không dùng đúng thì và không rõ ràng.
- C có cấu trúc không tự nhiên và không chính xác.
- D không phù hợp về cấu trúc và ý nghĩa.

*Read the following passage and mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.*

**Giải thích đáp án:**

**Question 23: Đáp án: B. ordinary**

**Giải thích:** Từ "celebrated" có nghĩa là được công nhận và tôn vinh, do đó từ trái nghĩa là "ordinary" (bình thường). Các lựa chọn khác không phải trái nghĩa:

- A (**talented**) có nghĩa là tài năng, không phải trái nghĩa với "celebrated".
- C (**renowned**) có nghĩa là nổi tiếng, tương đồng với "celebrated".
- D (**competent**) có nghĩa là có năng lực, không phải trái nghĩa.

**Question 24: Đáp án: D. Moss'**

**Giải thích:** Từ "his" trong đoạn 2 ám chỉ "Moss" vì đoạn văn trước đó đã đề cập đến Sir Stirling Moss. Các lựa chọn khác không chính xác:

- A (**Elliot's**) không phù hợp vì "his" không thể ám chỉ Elliot.
- B (**Hamilton's**) sai vì "his" không liên quan đến Hamilton.
- C (**Stewart's**) cũng không đúng vì "his" ám chỉ Moss.

**Question 25: Đáp án: D. his Formula One world titles**

**Giải thích:** Sir Stirling Moss không giành được chức vô địch thế giới Formula One, vì vậy điều này không phải là lý do khiến ông được ngưỡng mộ. Các lựa chọn khác là lý do chính đáng:

- A (**his racing driver's lifestyle**), B (**his successful sportscar career**), và C (**his great driving skills**) đều là lý do ông được ngưỡng mộ.

**Question 26: Đáp án: B. became friendly**

**Giải thích:** Từ "clicked" trong đoạn 3 có nghĩa là "trở nên thân thiết" hoặc "kết nối tốt", vì vậy đáp án B là chính xác. Các lựa chọn khác không đúng:

- A (**found differences**) không hợp vì "clicked" không ám chỉ sự tìm kiếm sự khác biệt.
- C (**accepted similarities**) không chính xác vì "clicked" không có nghĩa là chấp nhận sự giống nhau.

- **D (argued intensely)** không đúng vì "clicked" không liên quan đến việc tranh luận.

**Question 27: Đáp án: C. Moss was dedicated to winning every race and believed that individual victories mattered more than championship titles**

**Giải thích:** Đoạn văn trong **paragraph 4** chỉ ra rằng Moss coi chiến thắng trong từng cuộc đua quan trọng hơn các danh hiệu vô địch. Các lựa chọn khác không chính xác:

- **A** không phản ánh đúng ý Moss coi chiến thắng quan trọng hơn danh hiệu vô địch.
- **B** không đúng vì Moss không nói rằng vinh dự thi đấu quan trọng hơn chiến thắng.
- **D** sai vì Moss không đạt được chức vô địch Formula One.

**Question 28: Đáp án: C. Jackie Stewart described Moss as an unmatched example of a true racing driver**

**Giải thích:** Jackie Stewart đã mô tả Moss là một hình mẫu không thể so sánh của một tay đua thực thụ, đúng với nội dung trong đoạn văn. Các lựa chọn khác không chính xác:

- **A** không đúng vì Moss không nổi tiếng vì giành được nhiều danh hiệu vô địch.
- **B** sai vì Hamilton không mô tả Moss là đối thủ có cùng nền tảng.
- **D** sai vì không có mô tả nào về Moss là một "hình ảnh gây tranh cãi".

**Question 29: Đáp án: D. Paragraph 4**

**Giải thích:** Đoạn 4 đề cập đến sự cống hiến của Moss cho việc chiến thắng từng cuộc đua và sự quan tâm của ông đối với chiến thắng cá nhân hơn là các danh hiệu vô địch.

**Question 30: Đáp án: B. Paragraph 2**

**Giải thích:** Trong đoạn 2, Jackie Stewart mô tả Moss như một tay đua mẫu mực và đáng ngưỡng mộ, nhấn mạnh về những phẩm chất tuyệt vời của ông.

## **DỊCH BÀI:**

Vào những năm 1960, các nhà ngôn ngữ học bắt đầu quan tâm đến một lý thuyết khoa học mới về ngữ pháp, hay các quy tắc của ngôn ngữ. Lý thuyết này được đề xuất và phổ biến bởi một nhà ngôn ngữ học người Mỹ tên là Noam Chomsky, người thường tập trung vào cách mà trẻ nhỏ có thể tự học ngôn ngữ mẹ đẻ mà không cần nhiều nỗ lực và không có giáo dục chính thức.

Chomsky không nghĩ rằng việc tiếp xúc với một ngôn ngữ là đủ để trẻ nhỏ có thể thành thạo trong việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ. Thay vào đó, ông tin rằng con người sinh ra đã có khả năng học ngôn ngữ. Theo lý thuyết của Chomsky, các cấu trúc cơ bản của ngôn ngữ đã có sẵn trong não bộ con người từ khi sinh ra.

Lý thuyết “ngữ pháp phổ quát” này gợi ý rằng tất cả các ngôn ngữ đều có một số đặc điểm chung. Ví dụ, mỗi ngôn ngữ đều có cách để đặt câu hỏi hoặc làm cho điều gì đó trở thành phủ định. Ngoài ra, mọi ngôn ngữ đều có cách để xác định giới tính hoặc cho thấy rằng một sự việc đã xảy ra trong quá khứ hay hiện tại.

Nếu các quy luật ngữ pháp cơ bản nhất là giống nhau cho tất cả các ngôn ngữ, thì trẻ em chỉ cần làm theo bộ quy tắc cụ thể mà những người đồng trang lứa cũng tuân theo để hiểu và sản xuất ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Nói cách khác, trong khi môi trường của trẻ quyết định ngôn ngữ mà chúng sẽ nói khi lớn lên, chúng đã sinh ra với những công cụ cần thiết để học bất kỳ ngôn ngữ nào một cách hiệu quả trong não của mình.

*Read the following passage and mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.*

**Giải thích đáp án:**

**Question 31: Đáp án: B. [II]**

**Giải thích:** Câu "However, unforeseen expenses and delays led to significant budget overruns" phù hợp nhất ở vị trí [II], vì đoạn sau đề cập đến việc một nhà kinh tế học của Oxford báo cáo rằng ngân sách của Tokyo đã tăng gấp đôi và các ước tính khác cho rằng số tiền này có thể lên gần 30 tỷ đô la. Điều này phù hợp với việc chi phí vượt quá ngân sách dự tính.

- **A. [I]:** Đoạn văn này chỉ nói về ước tính ban đầu của Tokyo, không liên quan đến chi phí vượt quá dự toán.
- **C. [III]:** Đoạn này nhắc đến những ước tính cao hơn, không phải là sự cố chi phí vượt mức.
- **D. [IV]:** Đoạn này bàn về một xu hướng lớn hơn mà không đề cập đến sự cố chi phí của Tokyo.

**Question 32: Đáp án: B. negate**

**Giải thích:** Từ "contend" trong đoạn văn có nghĩa là "tranh luận" hoặc "cho rằng". Từ trái nghĩa là "negate" (phủ nhận hoặc bác bỏ).

- **A. endorse:** Có nghĩa là tán thành hoặc đồng ý, trái nghĩa với "contend".
- **C. overlook:** Có nghĩa là bỏ qua, không phải là trái nghĩa với "contend".
- **D. confirm:** Có nghĩa là xác nhận, không phải trái nghĩa với "contend".

**Question 33: Đáp án: B. Hosting the Olympics can create temporary jobs and boost the economy, but the impact is less than anticipated.**

**Giải thích:** Câu này tóm tắt đúng ý nghĩa của đoạn văn, nơi các nhà kinh tế chỉ ra rằng mặc dù Thế vận hội có thể tạo ra lợi ích kinh tế và việc làm tạm thời, nhưng mức độ ảnh hưởng thấp hơn so với dự đoán.

- **A.:** Sai vì câu này nói về sự tăng trưởng kinh tế và việc làm đáng kể, không phù hợp với thực tế mà bài đọc mô tả.
- **C.:** Sai vì đoạn văn không nói về các dự án cơ sở hạ tầng lớn, mà chỉ nói về tác động kinh tế và việc làm.
- **D.:** Sai vì bài đọc nói rõ là các tác động kinh tế thực tế thấp hơn nhiều so với dự đoán.

**Question 34: Đáp án: B. significant long-term use of Olympic venues**

**Giải thích:** Bài viết chỉ ra rằng nhiều sân vận động Olympic không được sử dụng lâu dài sau khi sự kiện kết thúc, do đó "significant long-term use" không phải là giải pháp chống lại vấn đề này.

- **A.:** Đúng, việc tạo ra việc làm tạm thời là một trong những ảnh hưởng từ việc tổ chức Thế vận hội.
- **C.:** Đúng, cải thiện cơ sở hạ tầng cho các sự kiện thể thao trong tương lai là một lợi ích được đề cập.



- **D.:** Đúng, cải thiện cơ sở hạ tầng địa phương là một trong những lợi ích của việc tổ chức Thế vận hội.

**Question 35: Đáp án: B. facilities**

**Giải thích:** Từ "these" trong đoạn 3 đề cập đến các cơ sở (facilities), là những gì được sử dụng để tổ chức các môn thể thao Olympic.

- **A.:** Sai, không phải là lợi ích mà là cơ sở vật chất.
- **C.:** Sai, "sports" không phải là đối tượng mà từ "these" ám chỉ.
- **D.:** Sai, các thành phố không phải là đối tượng được nhắc đến.

**Question 36: Đáp án: C. Cities are increasingly hesitant to host the Olympics due to high costs and financial concerns.**

**Giải thích:** Đoạn văn nói rằng các thành phố đang ngày càng do dự khi tổ chức Thế vận hội vì chi phí cao và lo ngại về tài chính.

- **A.:** Sai, vì đề xuất về một địa điểm Olympic vĩnh viễn không phải là vấn đề chính của đoạn văn.
- **B.:** Sai, đoạn văn không nói về vấn đề bỏ thầu cho các sự kiện mùa đông 2026.
- **D.:** Sai, đoạn văn không nói về việc xây dựng các cơ sở vật chất gây tranh cãi.

**Question 37: Đáp án: C. prohibitive**

**Giải thích:** "Exorbitant" có nghĩa là quá đắt, không hợp lý, và từ thay thế thích hợp là "prohibitive" (đắt đỏ, không thể chi trả).

**Các lựa chọn khác không đúng:**

- **A.:** Sai, "hopeless" không phải là từ thay thế hợp lý.
- **B.:** Sai, "inadvisable" có nghĩa là không nên làm, không phải là nghĩa của "exorbitant".
- **D.:** Sai, "thoughtless" không liên quan đến giá cả đắt đỏ.

**Question 38: Đáp án: B. Many venues from the 2008 Olympics in Beijing now serve purposes unrelated to sports.**

**Giải thích:** Đoạn văn nói về việc các địa điểm Olympic từ Thế vận hội Bắc Kinh 2008 không được sử dụng cho thể thao nữa, mà được chuyển đổi thành các mục đích khác.

- **A.:** Sai, Tokyo không kỳ vọng ngân sách vượt quá 15 tỷ đô la, họ đã dự đoán chi phí thấp hơn.
- **C.:** Đúng, 4 quốc gia đã rút lui khỏi việc đấu thầu cho Thế vận hội mùa đông 2026.
- **D.:** Đúng, Zimbalist đề xuất rằng thay vì xây dựng lại các cơ sở Olympic, chúng ta có thể xây dựng một địa điểm cố định.

**Question 39: Đáp án: C. It is possible that less and less countries will want to host the Olympics if no changes are made.**

**Giải thích:** Đoạn văn chỉ ra rằng nếu không có thay đổi, ngày càng ít quốc gia sẽ muốn tổ chức Thế vận hội vì chi phí quá cao.

**Các lựa chọn khác không đúng:**

- **A.:** Sai, không nói rằng việc tổ chức Olympic là dự án cơ sở hạ tầng ít có lợi nhất.
- **B.:** Sai, các thành phố không sẽ phá bỏ các cơ sở sau Olympic.
- **D.:** Sai, không có bằng chứng cho thấy người Nhật sẽ không muốn tổ chức các sự kiện thể thao trong tương lai.

**Question 40: Đáp án: C. Tokyo's experience with the 2020 Summer Games reflects a broader trend of increasing costs and limited benefits from hosting the Olympics, leading to fewer bids for future events and discussions about a permanent Olympic location.**

**Giải thích:** Tóm tắt này phản ánh đúng toàn bộ bài viết, cho thấy chi phí tăng cao và lợi ích hạn chế đã dẫn đến ít thành phố hơn tham gia đấu thầu và một cuộc thảo luận về một địa điểm Olympic cố định.

- **A.:** Sai, mặc dù chi phí cao nhưng không có sự đề xuất về việc chuyển địa điểm cố định ngay trong đoạn văn này.
- **B.:** Sai, mặc dù chi phí là vấn đề nhưng trọng tâm của bài là chi phí và lợi ích từ việc tổ chức Olympic.
- **D.:** Sai, không nói về việc tổ chức sự kiện thể thao có lợi cho kinh tế mà chỉ nói về sự cần thiết của việc thay đổi địa điểm tổ chức Olympic.

**DỊCH BÀI:**

Vào năm 2013, khi Tokyo đấu thầu cho Thế vận hội Mùa hè 2020, thành phố này nghĩ rằng sẽ chi 7,3 tỷ USD. Tuy nhiên, vào mùa hè năm 2020, một nhà kinh tế học Oxford báo cáo trong nghiên cứu của mình rằng ngân sách tổng cộng của Tokyo đã tăng gấp đôi lên 15,84 tỷ USD. Và các ước tính khác cho rằng con số này có thể lên tới gần 30 tỷ USD.

Điều gì đã xảy ra ở Tokyo là một phần trong xu hướng lớn hơn: một bài báo năm 2020 của nhà kinh tế học Oxford Bent Flyvbjerg cho thấy "mỗi kỳ Olympic từ năm 1960 đều vượt ngân sách." Và không chỉ có chi phí - một số lợi ích dự kiến từ việc đăng cai Thế vận hội cũng đã bị nghi ngờ bởi cả người dân địa phương và các nhà kinh tế. Giống như bất kỳ dự án cơ sở hạ tầng lớn nào, Thế vận hội có thể mang lại một lợi ích tạm thời về việc làm và kích thích nền kinh tế, nhưng không gần bằng những gì bạn mong đợi. "Phần lớn, các nghiên cứu cho thấy tác động kinh tế thực tế là gần như bằng không hoặc chỉ là một phần nhỏ so với những gì được dự đoán trước sự kiện," các nhà kinh tế Victor Matheson và Robert Baade viết trong nghiên cứu của họ.

Các lợi ích kinh tế lâu dài từ cơ sở hạ tầng cải thiện, bao gồm các cơ sở phục vụ cho 35 môn thể thao Olympic, cũng không lớn lắm. Matheson giải thích rằng hầu hết các thành phố đơn giản là không có nhu cầu sử dụng những cơ sở này sau khi Thế vận hội kết thúc. Ví dụ, "nhiều địa điểm từ Thế vận hội Athens 2004 đã bị hư hại. Sân vận động 'Tổ Chim' của Bắc Kinh hiếm khi được sử dụng kể từ năm 2008 và đã được chuyển đổi một phần thành căn hộ."

Các thành phố đang dần nhận ra chi phí khổng lồ khi đăng cai Thế vận hội và ít và ít quốc gia đưa ra lời đề nghị cho các kỳ Thế vận hội sắp tới. Vào năm 2018, trong quá trình đấu thầu cho Thế vận hội Mùa đông 2026, bốn quốc gia đã rút lui trong quá trình này, nhiều quốc gia trong số đó nêu lý do lo ngại về các cam kết tài chính cần có. Để giải quyết vấn đề này, một số người đã đề xuất có một địa điểm cố định cho Thế vận hội, như nhà kinh tế học Andrew Zimbalist của Smith College đã lập luận: "Tại sao không xây dựng các cơ sở thể thao yêu cầu 35 môn thể thao, làng Olympic và trung tâm truyền thông và phát sóng chỉ một lần, thay vì xây dựng chúng mới mỗi bốn năm ở một thành phố khác?"

Nhưng bất cứ điều gì sẽ được thực hiện trong tương lai, có một điều chắc chắn cho hiện tại: Khi Thế vận hội Tokyo diễn ra trong các sân vận động vắng tanh và cả thế giới theo dõi từ xa, chính người dân Nhật Bản sẽ phải đối mặt với những hậu quả tài chính của sự kiện thể thao khổng lồ này.

**\_\_\_\_\_ THE END \_\_\_\_\_**